

Ngày soạn: 30/8/2021

Ngày dạy:/9/2021

Tuần 1, 2

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU:

a. Kiến thức:

- Ôn tập cách giải một số dạng toán đã học trong HKII Toán 6

b. Kỹ năng:

- Giáo dục cho HS ý thức áp dụng kiến thức và kỹ năng giải toán vào thực tiễn.

c. Thái độ:

Có ý thức tự giác, tích cực, cẩn thận và tinh thần hợp tác trong học tập.

d. Năng lực và phẩm chất:

Năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực quan sát, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, năng lực tính toán, năng lực vận dụng kiến thức vào cuộc sống.

II. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

Phương pháp đặt và giải quyết vấn đề.

III. CHUẨN BỊ:

- GV: Phương pháp học Toán 7, nội dung ôn tập, thiết bị dạy học trực tuyến

- HS: Kiến thức đã học, vở ghi bài, thước thẳng, êke

IV. PHƯƠNG PHÁP HỌC BỘ MÔN:

1. Lý thuyết:

- Học sinh cần ghi nhớ định nghĩa, khái niệm của mỗi bài học.

- Học sinh nắm chắc các phần lý thuyết để vận dụng trong việc làm bài thi. Các em học sinh lớp 7 nên tận dụng thời gian học trên lớp để nắm chắc các phần kiến thức quan trọng.

- Sử dụng các phương pháp học tích cực như giải quyết vấn đề, phương pháp trực quan.

2. Bài tập:

- Làm tất cả các bài tập từ dễ đến khó ở mỗi bài học để củng cố lại các kiến thức, kỹ năng của bài học.

- Làm thêm các bài tập trong sách bài tập để nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề cũng như làm quen với các dạng toán khác nhau.

- Rèn kỹ năng thực hành thành thạo qua mỗi bài học.

- Đọc thêm sách và học hỏi bạn.

QUI CHẾ GHI ĐIỂM

	Kiểm tra thường xuyên	Kiểm tra giữa kỳ	Kiểm tra cuối kỳ
HKI	4 (hệ số 1) (1 miệng, 3 viết)	1 (hệ số 2)	1 (hệ số 3)
HKII	4 (hệ số 1) (1 miệng, 3 viết)	1 (hệ số 2)	1 (hệ số 3)

V. TIẾN TRÌNH ÔN TẬP:

A. SỐ HỌC

Dạng 1: Thực hiện phép tính

a. $160 - (2^3 \cdot 5^2 - 6 \cdot 25)$

b. $2^4 \cdot 5 - [131 - (13 - 4)^2]$

c. $(-2)^3 \cdot (-3) + (-2)^4$

d. $100 : \{ 250 : [450 - (4 \cdot 5^3 - 2^2 \cdot 25)] \}$

Dạng 2: Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a. $\frac{-4}{9} \cdot \frac{7}{15} + \frac{4}{-9} \cdot \frac{8}{15}$

b. $\frac{7}{19} \cdot \frac{8}{11} + \frac{7}{19} \cdot \frac{3}{11} + \frac{12}{19}$

c. $11\frac{1}{4} - (2\frac{5}{7} + 5\frac{1}{4})$

d. $\frac{3}{4} \cdot \frac{16}{9} - \frac{7}{5} : \frac{-21}{20}$

e. $0,2 \cdot \frac{15}{36} - (\frac{2}{5} + \frac{2}{3}) : 1\frac{1}{5}$

f. $(6 + 2\frac{4}{5}) \cdot 3\frac{1}{8} - 1\frac{3}{5} : \frac{1}{4}$

Dạng 3: Tìm x, biết:

a. $x : 3\frac{1}{15} = 1\frac{1}{2}$

b. $3x - 17 = x + 3$

c. $\frac{2}{3}x - \frac{1}{2}x = \frac{5}{12}$

d. $32 \cdot (0,3x + 6) = -32$

e. $\frac{8}{3}x + 8\frac{2}{3} = 3\frac{1}{3}$

f. $(2,8x - 32) : \frac{2}{3} = -90$

g. $(x - 3,2)(2x + 6) = 0$

h. $|x - 0,2| - 12 = -| -5|$

i. $(4,5 - 2x) \cdot 1\frac{4}{7} = \frac{11}{14}$

Dạng 4:

Bài 1: Lớp 6A có 50 học sinh. Trong đó có $\frac{3}{5}$ số học sinh thích chơi đá bóng, 80 % số học sinh

thích chơi đá cầu, $\frac{7}{10}$ số học sinh thích chơi cầu lông. Hỏi lớp 6A có:

a) Bao nhiêu học sinh thích chơi bóng đá ?

b) Bao nhiêu học sinh thích chơi đá cầu ?

c) Bao nhiêu học sinh thích chơi cầu lông ?

Bài 2: Tổng kết năm học ba lớp 6A, 6B, 6C có 45 em đạt học sinh giỏi. Số học sinh giỏi của lớp 6A bằng $\frac{1}{3}$ tổng số học sinh. Số học sinh giỏi của lớp 6B bằng 120 % số học sinh giỏi của lớp 6A. Tính số học sinh giỏi của mỗi lớp ?

Bài 3: Học sinh lớp 6A đã trồng được 56 cây trong ba ngày. Ngày thứ nhất trồng được $\frac{3}{8}$ số cây.

Ngày thứ hai trồng được $\frac{4}{7}$ số cây còn lại. Tính số cây học sinh lớp 6A trồng trong mỗi ngày?

Bài 4: Một cửa hàng bán một số mét vải trong ba ngày. Ngày thứ nhất bán $\frac{3}{5}$ số mét vải. Ngày thứ hai bán $\frac{2}{7}$ số mét vải còn lại. Ngày thứ ba bán nốt 40 mét vải. Tính tổng số mét vải cửa hàng đã bán.

B. HÌNH HỌC

Bài 1: a, Vẽ năm điểm M, N, P, Q, R sao cho ba điểm M, N, P thẳng hàng, ba điểm N, P, Q thẳng hàng, còn ba điểm N, P, R không thẳng hàng

b, Kẻ các đường thẳng đi qua các cặp điểm. Có bao nhiêu đường thẳng, kể tên các đường thẳng đó?

c, Có bao nhiêu đoạn thẳng? kể tên các đoạn thẳng đó.

d, Kể tên các tia góc P. Trong các tia đó chỉ ra hai tia đối nhau? Hai tia trùng nhau?

Bài 2: Trên tia Ox lấy 2 điểm A, B sao cho OA = 3,5 cm; OB = 7 cm.

a, Trong 3 điểm O, A, B điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại? Vì sao?

b, Tính độ dài đoạn thẳng AB?

c, Điểm A có phải là trung điểm của đoạn thẳng OB không? Vì sao?

Bài 3: Trên cùng một nửa mặt phẳng có bờ chứa tia Ox vẽ hai tia Oy, Oz sao cho $\widehat{xOy} = 30^\circ$,

$$\widehat{xOz} = 150^\circ$$

a. Tính \widehat{yOz}

b. Gọi Ox' là tia đối của tia Ox. Viết tên các cặp góc kề bù trong hình.

c. Kẻ Ot là tia phân giác góc \widehat{yOz} . Tính \widehat{yOt} và \widehat{tOz}

VI. DẶN DÒ:

- Các em xem lại các dạng bài đã giải để củng cố kiến thức cho việc học Toán 7 sắp đến.

- Từ tuần 3 ngày 20/9/2021 các em sẽ bắt đầu học chương trình chính thức theo PPCT(tuần1)

VII. GỢI Ý CÁCH GIẢI:

A. SỐ HỌC

Dạng 1:

Thứ tự thực hiện phép tính

- Đối với biểu thức không có dấu ngoặc

+ Nếu chỉ có cộng, trừ hoặc chỉ có nhân, chia ta thực hiện phép tính từ trái sang phải.

+ Nếu có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa ta thực hiện phép tính :

Lũy thừa \rightarrow nhân và chia \rightarrow cộng và trừ.

- Nếu biểu thức có các dấu ngoặc:

$$() \rightarrow [] \rightarrow \{ \}.$$

Dạng 2:

- Thứ tự thực hiện phép tính như dạng 1

- Thực hiện quy tắc cộng, trừ, nhân, chia phân số

Dạng 3:

b. $3x - 17 = x + 3$

$$\Leftrightarrow 3x - x = 3 + 17 = 20$$

$$\Leftrightarrow \dots$$

g. $(x - 3,2)(2x + 6) = 0$

$$\Leftrightarrow x - 3,2 = 0 \text{ hoặc } 2x + 6 = 0$$

$$\Leftrightarrow \dots$$

h. $|x - 0,2| - 12 = -| - 5|$

$$\Leftrightarrow |x - 0,2| = 7$$

$$\Leftrightarrow x - 0,2 = 7 \text{ hoặc } x - 0,2 = -7$$

$$\Leftrightarrow \dots$$

Dạng 4:

Bài 1:

Số học sinh thích chơi bóng đá: $\frac{3}{5} \cdot 50 = 30$ học sinh

Số học sinh thích chơi đá cầu: $80\% \cdot 50 = \frac{80}{100} \cdot 50 = \frac{4}{5} \cdot 50 = 40$ học sinh

Số học sinh thích chơi cầu lông: $\frac{7}{10} \cdot 50 = 35$ học sinh

Bài 4:

Số phần mét vải của ngày thứ ba bán là: $1 - \frac{3}{5} - \frac{2}{7} = \frac{4}{35}$ số mét vải

Tổng số mét vải cửa hàng đã bán là: $40 : \frac{4}{35} = 40 \cdot \frac{35}{4} = 350$ mét

B. HÌNH HỌC

Bài 2:

a. Trên tia Ox có OA < OB (3,5cm < 7cm)

Suy ra A nằm giữa hai điểm O và B

b. Vì A nằm giữa hai điểm O và B

nên OA + AB = OB. Từ đó tính được AB

c. Để A là trung điểm của đoạn thẳng OB thì A nằm giữa O và B và AO = AB

Bài 3:

a. Oy nằm giữa hai tia Ox và Oz vì $\widehat{xOy} < \widehat{xOz}$ ($30^\circ < 150^\circ$)

Suy ra: $\widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ để tính \widehat{yOz}

c. Dùng tính chất tia phân giác